

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC 2
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN NGÀNH CÔNG NGHỆ ĐÚC, SẢN XUẤT
KIM LOẠI

(Kèm Kế hoạch số: /SCT-KH ngày /8/2022 của Sở Công Thương)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ quan:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Điện thoại liên lạc:

E-mail:

Website:

Họ và tên người được giao liên hệ trực tiếp:

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT:

1. Thông tin chung về hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp

- Thông tin về sản phẩm/công nghệ/công suất sản lượng sản xuất (điền theo bảng dưới):

STT	Tên sản phẩm	Tên đơn vị	Công nghệ sử dụng	Công suất (tấn/năm)	Ghi chú
1					
2					
.....					

2. Thông tin về công nghệ sản xuất của đơn vị.

2.1. Thông tin về sản phẩm và thiết bị công nghệ

STT				Ghi chú
1.	Khối lượng sản hàng năm của đơn vị	<i>Mức khối lượng⁽¹⁾</i>	<i>Tỷ lệ sản phẩm sản xuất (%)</i>	
1.1	Nhỏ hơn 500 tấn/ năm	☐		
1.2	Từ 500 đến 1000 tấn/ năm	☐		
1.3	Từ 1000 đến 2000 tấn/ năm	☐		
1.4	Lớn hơn 2000 tấn/ năm	☐		
2.	Khối lượng chi tiết đúc		<i>Tỷ lệ sản phẩm sản xuất (%)</i>	
2.1	Nhỏ hơn 10 kg	☐		
2.2	Từ 10 đến 50 kg	☐		
2.3	Từ 50 đến 200 kg	☐		
2.4	Từ 200 đến 1000 kg	☐		
2.5	Lớn hơn 1000 kg	☐		
3.	Công nghệ	<i>Công nghệ lựa chọn</i>	<i>Tỷ lệ áp dụng trong thực tế sản xuất (%)</i>	

3.1	Đúc trong khuôn cát	☐		
3.2	Đúc liên tục	☐		
3.3	Đúc thủ công, đơn chiếc	☐		
3.4	Đúc khuôn kim loại	☐		
3.5	Đúc áp lực cao	☐		
3.6	Đúc áp lực thấp	☐		
3.7	Đúc ly tâm	☐		
3.8	Đúc trong các loại khuôn khác	☐		
4.	Hệ thống thiết bị nấu đúc	<i>Loại lò</i>	<i>Tỷ lệ áp dụng trong thực tế sản xuất (%)</i>	
4.1	Lò nồi đốt than (hoặc dầu điều)	☐		
4.2	Lò nồi đốt dầu (khí)	☐		
4.3	Lò đứng đốt than	☐		
4.4	Lò điện trở	☐		
4.5	Lò điện cảm ứng	☐		
4.6	Lò điện hồ quang	☐		
4.7	Đúc rót thủ công	☐		
4.8	Đúc rót cơ giới	☐		
4.9	Đúc rót tự động	☐		
5.	Nguyên liệu đúc	<i>Nguyên liệu</i>	<i>Tỷ lệ áp dụng trong thực tế sản xuất (%)</i>	
5.1	Gang xám	☐		
5.2	Gang cầu	☐		
5.3	Gang dẻo	☐		
5.4	Thép hợp kim	☐		
5.5	Kim loại màu	☐		
5.6	Hợp kim màu	☐		
6.	Thiết bị chế tạo khuôn	<i>Phương pháp</i>	<i>Tỷ lệ áp dụng trong thực tế sản xuất (%)</i>	
6.1	Làm khuôn thủ công	☐		
6.2	Làm khuôn tự động	☐		
7.	Công nghệ và thiết bị gia công làm sạch vật đúc			
7.1	Làm sạch thủ công	☐		
7.2	Làm sạch cơ giới (phun cát, bi,...)	☐		
7.3	Làm sạch điện, thủy lực	☐		
8.	Công nghệ và thiết bị xử lý môi trường			
8.1	Không có thiết bị thu bụi	☐		
8.2	Thu bụi túi vải	☐		
8.3	Phương pháp khác (Ghi rõ tên)	☐		
8.4	Xử lý chất thải rắn (xi lò, bụi)	☐		
8.5	Đáp ứng quy chuẩn QCVN ... về	☐		

	khí thải			
8.6	Đáp ứng quy chuẩn về bảo vệ môi trường (QCVN ...)	☐		
8.7	Đáp ứng quy chuẩn về nước thải:...	☐		
9.	Các chỉ tiêu sản lượng, tiêu hao nguyên liệu và năng lượng	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022
9.1	Sản lượng, tấn			
9.2	Tiêu hao nguyên liệu chính (tấn gang, Hợp kim đúc,.../ tấn sản phẩm đúc)			
9.3	Tiêu hao điện (kWh/tấn sản phẩm)			
9.4	Tiêu hao nước (m ³ /tấn sản phẩm)			

2.2. Thông tin về khả năng làm chủ công nghệ và thiết bị

STT		Ghi chú
10	Khả năng tham gia sản xuất trong lĩnh vực đúc	
10.1	Sản phẩm có khối lượng lớn	☐
10.2	Sản phẩm chi tiết phức tạp	☐
10.3	Sản phẩm chi tiết đơn giản	☐
10.4	Sản phẩm cho chế tạo cơ khí	☐
10.5	Sản phẩm cho ngành xây dựng	☐
10.6	Sản phẩm cho các ngành khác	☐
10.7	Sản phẩm xuất khẩu	☐
11	Khả năng giải quyết công nghệ, chế tạo thiết bị trong dây chuyền	
11.1	Tự giải quyết công nghệ và chế tạo thiết bị	☐
11.2	Nhập khẩu thiết bị và công nghệ	☐
11.3	Sử dụng nguyên vật liệu trong nước	☐
11.4	Sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu	☐
12	Khả năng xuất khẩu công nghệ và thiết bị ngành đúc	
	Có	☐
	Không	☐
13	Đánh giá chất lượng sản phẩm	
13.1	Sản phẩm hoàn hảo, tiên tiến, công nghệ cao	☐
13.2	Sản phẩm sản xuất hàng loạt, ổn định chất lượng công nghiệp, hợp chuẩn ISO, công nghệ tiên tiến đồng bộ	☐
13.3	Sản phẩm sản xuất hàng loạt, ổn định chất lượng công nghiệp với 70% hợp chuẩn ISO, công nghệ trung bình khá	☐
13.4	Sản phẩm sản xuất hàng loạt nhỏ, đơn chiếc, công nghệ cũ, lạc hậu, hiệu quả kinh tế kém	☐
14	Đánh giá hệ thống thiết bị đúc đang sử dụng	
	<i>Xuất xứ thiết bị</i>	Năm khai thác (năm) <=5 5-10 10-20 >20 >30

14.1	Các nước Tây Âu và Mỹ	☐	☐	☐	☐	☐
14.2	Các nước thuộc Liên xô cũ	☐	☐	☐	☐	☐
14.3	Các nước Đông Âu	☐	☐	☐	☐	☐
14.4	Các nước đang phát triển	☐	☐	☐	☐	☐

Ghi chú: (1) đánh dấu X vào ô phù hợp. (2) Các doanh nghiệp liên hệ anh Cương số điện thoại 0975 494949 để lấy file điền thông tin.

NGƯỜI ĐIỀU TRA PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đ.D DOANH NGHIỆP

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)*